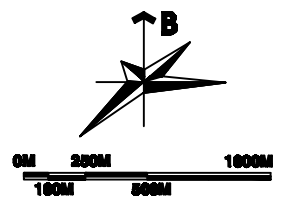


HUYỆN CAM LÂM - TỈNH KHÁNH HÒA
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG THỊ TRẤN SUỐI TÂN ĐẾN NĂM 2020
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020



BẢNG TỔNG HỢP CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI

TT	HẠNG MỤC	QUY HOẠCH					
		2010			2020		
		HA	%	M2/NGƯỜI	HA	%	M2/NGƯỜI
TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TOÀN BỘ THỊ 6+10		7.884,00			7.884,00		
I	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	300,42	100,00	300,42	686,00	100,00	342,80
1	ĐẤT DÂN DỤNG	127,64	42,49	127,64	296,31	43,26	148,16
-	ĐẤT Ở	66,00	28,29	66,00	194,00	28,32	97,00
-	ĐẤT CÔNG ĐỒ THỊ	8,80	2,98	8,80	18,40	2,69	9,20
-	ĐẤT CÂY XANH, TDTT	5,00	1,64	5,00	23,40	3,43	11,80
-	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI THỊ	28,84	9,60	28,84	40,51	5,90	20,16
2	ĐẤT NGOẠI DÂN DỤNG	172,78	57,51	172,78	389,69	56,74	194,66
-	ĐẤT CN, TICH, KHO TÀNG	90,00	29,96	90,00	264,41	38,59	133,21
-	GIAO THÔNG BỐI NGOẠI	16,00	4,99	16,00	18,26	2,68	9,18
-	ĐẤT CƠ QUAN, TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP	8,80	1,88	8,80	22,19	3,24	11,10
-	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY	20,00	6,66	20,00	29,87	4,36	14,94
-	ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ DU LỊCH	12,00	3,99	12,00	46,86	6,84	28,48
-	ĐẤT AN NINH QUỐC PHÒNG	27,28	9,08	0,00	0,00	0,00	0,00
-	ĐẤT TÔN GIÁO	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
-	THUY LỢI, CT ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT	3,00	1,00	3,00	6,00	0,78	2,80
II	ĐẤT ĐUỐC	7288,40			6871,08		
-	ĐẤT NÔNG NGHIỆP/KẾT HỢP SẢN XUẤT	1092,08			648,16		
-	ĐẤT LÂM NGHIỆP	3781,28			3680,00		
-	ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯNG, NGHĨA TRANG	13,18			13,18		
-	ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN	72,72			686,29		
-	ĐẤT BỜNG BÚI, MẶT NƯỚC	416,30			416,30		
-	ĐẤT CHUA BỬ DUNG	1880,00			1880,00		

KÝ HIỆU:

- ĐẤT DỊCH VỤ CÔNG CỘNG
- ĐẤT HÀNH CHÍNH - CƠ QUAN
- ĐẤT Ở TẬP TRUNG
- ĐẤT Ở XÂY DỰNG MỚI
- ĐẤT Ở DỰ TRÙ PHÁT TRIỂN
- ĐẤT THƯỜNG MẠI DỊCH VỤ
- ĐẤT DU LỊCH
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP - TICH
- ĐẤT DỰ TRÙ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- ĐẤT CÂY XANH CÔNG VIÊN TẬP TRUNG
- ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN
- ĐẤT BẾN XE
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG HIỆN HỮU CẢI TẠO
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG XÂY DỰNG MỚI
- ĐƯỜNG SẮT
- ĐƯỜNG SẮT CAO TỐC DỰ KIẾN
- ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN CAO THẾ
- SÔNG HỒ, KÊNH RẠCH
- RANH GIỚI HÀNH CHÍNH THỊ TRẤN SUỐI TÂN
- RANH ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ ĐẾN NĂM 2010
- RANH ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ ĐẾN NĂM 2020

BẢNG QUY HOẠCH CÁC KHU CHỨC NĂNG

KÝ HIỆU	TÊN TRUNG TÂM	DIỆN TÍCH (ha)		MẬT ĐỘ XD (%)		TẦNG CAO XD (TẦNG)	
		2010	2020	TỐI THIỂU	TỐI ĐA	TỐI THIỂU	TỐI ĐA
TT1	TT HÀNH CHÍNH, CƠ QUAN	4,00	12,69	30	35	2	3
TT2	TT THƯƠNG MẠI, DV DU LỊCH, DV CÔNG NGHIỆP	12,00	46,86	30	35	2	18
TT3	TT Y TẾ	0,60	3,0	25	35	2	3
TT4	TT GIÁO DỤC BẢO TÀO	1,60	9,5	25	35	2	3
TT5	TT VĂN HÓA - THỂ DỤC THỂ THAO	1,20	7,40	25	30	2	3
TT6	TT CÁC KHU Ồ	7,60	16,00	25	30	1	2
CX1	CÔNG VIÊN CÂY XANH TẬP TRUNG - TDTT	8,00	19,20	2	5	1	1
CX2	CÂY XANH CÁCH LY	20,00	29,87	2	5	1	1
CN	CÔNG NGHIỆP - TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP	166,78	266,41	30	60	1	2

BẢNG QUY HOẠCH ĐẤT Ở

KÝ HIỆU	LOẠI ĐẤT Ở	QUY HOẠCH				MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)
		DÂN SỐ	DIỆN TÍCH (HA)	2020	2010		
K1	KHU Ở HIỆN TRẠNG CẢI TẠO, XEN CÂY XD MỚI (ĐỌC 2 BÊN QUỐC LỘ 1A)	10.206	6.471	99	55	60	9
K2	KHU Ở HIỆN TRẠNG CẢI TẠO, XEN CÂY XD MỚI (PHÍA TRUNG TÂM)	9.794	3.629	95	30	60	18
TỔNG CỘNG		20000	10000	194	85		

CHỨC NĂNG KHU ĐẤT

KHU Ở 2		DÂN SỐ	MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA	TÊN LỘ ĐẤT
DIỆN TÍCH ĐẤT (HA)	86,5			
TẦNG CAO XD TỐI ĐA	9			
		K2		

